

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/KDTM-PT
Ngày 21 tháng 4 năm 2026
V/v: Tranh chấp giữa công ty
với các thành viên của công ty

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 24/2026/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2026 về “Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 361/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 762/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Mạnh H, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số B N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Việt Q, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: 5 P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Bùi Quang V, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã V, thành phố Hải Phòng); bà Nguyễn Thị Tuyết D, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: 2 N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2025; ông V và bà D có mặt; ông Q vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bà Nguyễn Thị Phương N là Nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt lại như sau:

- *Theo trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương N và những người đại diện theo ủy quyền*:

Bà Nguyễn Thị Phương N là cổ đông của Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) với số lượng cổ phần sở hữu là 86.450 cổ phần. Ngày 19/12/2023, ông Huỳnh Cao S - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Đ đã chuyển nhượng cho bà N 1.590.000 cổ phần và bà N đã được cấp sổ đăng ký cổ đông. Sau khi ông S chết ngày 02/3/2024, bà N đã liên hệ và cung cấp các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần gồm: Đơn đề nghị chuyển nhượng cổ phần; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần; sổ đăng ký cổ đông để thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong khi chưa lập thủ tục kê khai di sản thừa kế của ông S, là người sở hữu hơn 70% cổ phần, nhưng Công ty Đ vẫn tiến hành Đại hội đồng cổ đông và quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật, điều chỉnh vốn góp và những vấn đề khác. Đến ngày 20/4/2024, Công ty Đ tiếp tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, trong đó có nội dung không thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bà N với ông S; tại đây, lãnh đạo của Công ty Đ tự ý giảm số cổ phần của ông S từ 1.590.000 cổ phần xuống còn 808.800 cổ phần và phân chia số cổ phần này cho một số thành viên lãnh đạo mới của Công ty. Tại Đại hội đồng cổ đông, bà N đã nêu nhiều ý kiến liên quan đến việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và tư cách cổ đông của bà N đối với số cổ phần nhận chuyển nhượng từ ông S nhưng Công ty Đ không giải quyết. Việc lãnh đạo Công ty Đ tự ý phân chia cổ phần của ông S cho từng người là không đúng pháp luật.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty Đ phải xác định cho bà N có thêm 1.590.000 cổ phần được nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Cao S và công nhận tư cách cổ đông của bà N; buộc Công ty Đ phải giải quyết thỏa đáng các quyền lợi phát sinh từ 1.590.000 cổ phần của bà N bao gồm: Quyền được tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định đối với 1.590.000 cổ phần; quyền được nhận cổ tức phát sinh đối với 1.590.000 cổ phần; quyền được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu 1.590.000 cổ phần trong công ty; quyền được tự do chuyển nhượng 1.590.000 cổ phần của mình; quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ 1.590.000 cổ phần khi Công ty giải thể hoặc phá sản; hủy bỏ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Đ vào ngày 13/3/2024; hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 20/04/2024 liên quan đến việc xử lý cổ phần của ông Huỳnh Cao S.

- Theo trình bày của bị đơn là Công ty Cổ phần Đ:

Hội đồng Quản trị Công ty Đ có 4 thành viên gồm ông Huỳnh Cao S, bà Nguyễn Thị Tuyết D, ông Lê Đình H1 và ông Nguyễn Thanh D1. Sau khi ông S chết, Hội đồng Quản trị thống nhất giao quyền điều hành tạm thời cho ông D1.

Ngày 19/3/2024, Hội đồng Quản trị nhận được thông tin từ bà Nguyễn Thị Phương N cho biết có sự việc ông S chuyển nhượng cổ phần cho bà N với chứng cứ xuất trình là hợp đồng chuyển nhượng giữa ông S và bà N, Giấy đề nghị chuyển nhượng. Tuy nhiên, các tài liệu này do ông S tự lập và ký xác nhận, đồng thời các điều khoản trong hợp đồng và giấy xác nhận chưa đủ cơ sở pháp lý để phát sinh hiệu lực, cụ thể: Hợp đồng được lập giữa 2 cá nhân, in trên 2 trang riêng biệt; trang 2 có chữ ký ông S và bà N nhưng lại không thể hiện nội dung chuyển nhượng; trang 1 ghi nội dung chuyển nhượng chỉ là tờ giấy trắng, không có chứng cứ xác thực; nội dung hợp đồng thiếu các thông tin bắt buộc như giá trị chuyển nhượng và điều khoản thanh toán; số cổ phần của ông S tại thời điểm giao kết hợp đồng cũng không đúng với số cổ phần thực tế tại Công ty. Công ty Đ khẳng định không hề biết hoặc tham gia vào giao dịch chuyển nhượng giữa ông S và bà N. Hồ sơ pháp lý lưu không ghi nhận việc chuyển nhượng cổ phần này; danh sách cổ đông vẫn thể hiện ông Huỳnh Cao S là chủ sở hữu và Công ty Đ cũng không ghi nhận phát sinh thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phần. Ngày 21/12/2023, ông S còn vay tiền Công ty để chữa bệnh và bảo đảm bằng chính số cổ phần đứng tên ông S. Theo Điều lệ, Sổ cổ đông chỉ có một bản chính được lưu tại Trụ sở Công ty Đ, trường hợp cổ đông cần xác nhận sẽ được cấp bản sao y nên Sổ cổ đông do bà N xuất trình không được xem là hợp pháp. Ngày 19/4/2024, Hội đồng Quản trị phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên đã yêu cầu Kế toán trưởng là bà Trần Thị Huyền T1 báo cáo. Tại báo cáo, bà T1 giải trình sự việc tự ý sao chép bản chứng nhận sở hữu cổ phần trái pháp luật là theo sự chỉ đạo của ông S, bà T1 thừa nhận thực hiện không đúng Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Ông S chết, chỉ có vợ của ông S là bà Nguyễn Thị Tuyết D là người thừa kế hợp pháp số cổ phần trên của ông S tại Công ty Đ. Ngày 20/4/2024,

Công ty Đ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ tham dự 98,88% cổ phần, trong đó có sự tham dự của bà N. Đại hội đã biểu quyết và thông qua đầy đủ các nội dung theo hồ sơ kèm theo và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Công ty Đ không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 361/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương N về các yêu cầu sau: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải xác định cho bà Nguyễn Thị Phương N số lượng 1.590.000 cổ phần được nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Cao S và công nhận tư cách cổ đông của bà N; giải quyết thỏa đáng các quyền lợi phát sinh từ 1.590.000 cổ phần;

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương N về yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCD của Công ty Cổ phần Đ vào ngày 20/4/2024 liên quan đến việc xử lý cổ phần của ông Huỳnh Cao S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025, bà Nguyễn Thị Phương N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị Phương N giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trong trường hợp không thể sửa bản án vì quy định tố tụng thì hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Nguyễn Thị Phương N trình bày quan điểm:*

Ngày 23/8/2025, bà N có đơn khởi kiện bổ sung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của đương sự; bà Nguyễn Thị Tuyết D và cháu Huỳnh Minh C là những người có liên quan tới vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc bà N yêu cầu cập nhật tên chủ sở hữu cổ phần và yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng đây là những yêu cầu mang tính nội bộ của Công ty Đ là không chính xác; ông S nắm giữ 70% cổ phần nhưng sau khi ông S chết, Công ty Đ vẫn tiến hành đại hội là không đúng pháp luật. Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đương sự hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- *Bà Nguyễn Thị Phương N trình bày ý kiến:* Nhất trí với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ trình bày ý kiến:* Không đồng ý với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N; bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Tuyết D và cháu Huỳnh Minh C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương N nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương N như sau:

[2.1] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày: Ngày 19/12/2023, ông S đã chuyển nhượng 1.590.000 cổ phần của Công ty Đ cho bà với chứng cứ xuất trình gồm: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Giấy đề nghị chuyển nhượng cổ phần và Sổ đăng ký cổ đông. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ thừa nhận các tài liệu này do ông S xác lập nhưng cho rằng việc ông S chuyển nhượng cổ phần cho bà N không đúng pháp luật, bởi vì: Không có ý kiến của Hội đồng Quản trị; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không có điều khoản thanh toán; số cổ phần của ông S tại thời điểm giao kết hợp đồng không đúng với số cổ phần thực tế sở hữu tại Công ty Đ; hồ sơ pháp lý lưu không ghi nhận việc chuyển nhượng cổ phần này, danh sách cổ đông vẫn thể hiện ông S là chủ sở hữu; Công ty Đ cũng không ghi nhận phát sinh thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phần.

[2.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và Điều 127 Luật này quy định: Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều

120 của Luật này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần; việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán; cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102053701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 10/7/2007 và thay đổi lần thứ 4 vào ngày 03/8/2016 thì ông Huỳnh Cao S sở hữu tỷ lệ 30% cổ phần của Công ty Đ. Như vậy, tại thời điểm chuyển nhượng, cổ phần của ông S được quyền tự do chuyển nhượng, tặng cho và thừa kế mà không bị hạn chế.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận thực chất của việc ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 19/12/2023 là nhằm mục đích hợp thức hóa việc ông S tặng cho bà N số cổ phần nêu trên. Lời trình bày này của bà N phù hợp với nội dung hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 19/12/2023 khi không ghi nhận điều khoản thanh toán tiền chuyển nhượng. Tại Điều 17 Điều lệ của Công ty Đ quy định việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phần; giấy tờ chuyển nhượng phải được ký tên; bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Như vậy, sau khi được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông, bà N chính thức trở thành cổ đông của Công ty Đ. Tuy nhiên trước đó, vào ngày 15/7/2016, ông S đã chuyển nhượng cho ông H2 500.000 cổ phần nên số cổ phần sở hữu của ông S bị điều chỉnh giảm; do đó, cần phải xác minh, làm rõ số cổ phần thực tế ông S còn sở hữu là bao nhiêu, từ đó mới có cơ sở chuyển giao quyền sở hữu cho bà N theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc bà N thừa nhận được ông S tặng cho số cổ phần trên thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 19/12/2023 là tình tiết mới mà Tòa án cấp sơ thẩm không thể biết trong quá trình giải quyết vụ án nên được xem là yếu tố khách quan, làm ảnh hưởng tới đường lối giải quyết tranh chấp trên.

[2.4] Ngoài đơn khởi kiện ban đầu, tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/8/2025, bà N còn có yêu cầu: Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng 1.590.000 cổ phần ngày 19/12/2023; vô hiệu giao dịch dân sự chuyển giao cổ phần thừa kế đối với bà Nguyễn Thị Tuyết D và cháu Huỳnh Minh C, buộc bà D phải trả lại 808.800 cổ phần cho bà N; vô hiệu giao dịch chuyển nhượng 500.000 cổ phần giữa ông Lê Trọng H2 và ông Huỳnh Cao S và giao dịch chuyển nhượng 500.000 cổ phần giữa ông H2 với ông Lê Đình H1, ông Nguyễn Thanh D1, ông Lê Văn K, ông Huỳnh Việt Q, ông Nguyễn Văn H3; buộc ông H1, ông D1, ông K, ông Q, ông H3 trả lại 500.000 cổ phần cho bà N.

Theo đơn khởi kiện bổ sung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù yêu cầu khởi kiện bổ sung do bà N thực hiện trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4502/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2025 là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên trường hợp này, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án triệt để, Tòa án cần hướng dẫn đương sự thực hiện các thủ tục bổ sung yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật mới phù hợp.

[2.5] Bên cạnh đó, theo Tờ trình chuyển giao cổ phần thừa kế ngày 20/4/2024 thì 606.600 cổ phần được chuyển giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết D (vợ của ông S) và 202.200 cổ phần được chuyển giao cho cháu Huỳnh Minh C (người giám hộ là bà Nguyễn Thị Phương N, mẹ của cháu C). Như vậy, việc giải quyết tranh chấp giữa bà N với Công ty Đ có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của bà D và cháu C trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, cần thiết phải đưa bà D và cháu C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.6] Từ những căn cứ trên, xét thấy việc xác định thiếu người tham gia tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm sẽ được xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Bà N không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương N.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 361/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo quy định pháp luật.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0039958 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường